

Bản án số: 22 /2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản;.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN-TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

+ ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thúy Kiên;

+ ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Xuân Viên;

Ông Phạm Đức Long;

+ ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hoài- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Không tham gia;

Ngày 15/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 50/2020/TLST-DS ngày 24/4/2020, về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị H, sinh năm 1988;

ĐKKH và ở: Tổ 5, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên (có mặt);

+ ***Bị đơn:*** Chị Lương Thị Thanh H, sinh năm 1985;

ĐKKH và ở: Tổ 12, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên;

( vắng mặt - do đã ủy quyền);

+ ***Người đại diện theo ủy quyền của chị H:***

Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1989;

ĐKKH và ở: Tổ 7, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ liên lạc: Tầng 7, Tòa nhà Eurowindow, số 2, Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị H là nguyên đơn trình bày:*

Chị H và chị H có mối quan hệ thân thiết, khoảng thời gian đầu năm 2018 nhiều lần chị H vay tiền của chị H, khi giao, nhận tiền hai bên không có giấy biên nhận. Đến ngày 23/3/2018 hai bên đã chốt số tiền gốc chị H vay của chị H là **540.000.000đ** (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn chị H phải trả chị H số tiền này là 01 năm; Hàng tháng chị H trả chị H tiền lãi suất (mức do chị H tự nguyện); Mục đích chị H vay khoản tiền trên để giải quyết việc gia đình. Sau khi thỏa thuận, chị H đã viết 01 văn bản có tiêu đề là “giấy

vay tiền”, nội dung của văn bản này chị H xác nhận vay của chị H số tiền gốc nói trên, thời hạn trả nợ và mục đích sử dụng số tiền vay như thỏa thuận nêu trên. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận về lãi suất chị H không ghi trong văn bản này.

Sau khi chị H viết giấy vay tiền nói trên, nhiều lần (khoảng 10 lần) chị H đã trả tiền lãi suất trên số tiền gốc nói trên cho chị H, có lần trả trực tiếp (không có giấy tờ giao, nhận), có lần trả bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, lần nhiều nhất là 3.000.000 đồng, lần ít nhất là 1.500.000 đồng. Nay chị H không xác định được tổng số tiền lãi suất và mức lãi suất chị H đã trả chị H;

Trong bản tự khai chị H xác định số tiền lãi chị H đã trả chị H hết tháng 6/2019, nhưng quá trình hòa giải chị H đồng ý căn cứ vào thời điểm chị H nhận tiền lãi của chị H lần cuối và xác định chị H đã trả tiền lãi suất cho chị H đến hết tháng 3 năm 2020 (mức lãi suất chị H đã trả chị H không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật);

Sau khi hết thời hạn trả nợ theo cam kết, nhiều lần chị H yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng chị H không thực hiện. Số tiền chị H cho chị H vay nói trên chị H phải vay lãi suất của rất nhiều người, hàng tháng chị H vẫn phải trả chủ nợ tiền lãi suất, do đó cuộc sống của gia đình chị H gặp rất nhiều khó khăn. Chị H thừa nhận chị H có khó khăn về kinh tế nên chỉ yêu cầu chị H trả chị H khoản tiền gốc- không yêu cầu trả lãi suất từ tháng 3/2020 đến nay.

Chứng cứ chị H chứng minh yêu cầu trên là có căn cứ và hợp pháp là: Giấy vay tiền (văn bản do chị H viết tay) đề ngày 23/3/2018 có nội dung như nêu trên;

Tại bản tự khai của chị H ngày 25/5/2020 và các văn bản khác do Tòa án lập, chị Lương Thị Thanh H là bị đơn và anh Hoàng Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của chị H thừa nhận: Khoảng thời gian từ đầu năm 2018 nhiều lần chị H vay tiền của chị H, khi giao, nhận tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Đến ngày 23/3/2018, hai bên xác định chị H vay của chị H **540.000.000đ** (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn chị H trả nợ, mục đích chị H sử dụng tiền vay như chị H, sau đó chị H đã viết giấy vay tiền giao cho chị H giữ. Trong văn bản này chị H không ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế, mức lãi suất chị H thỏa thuận trả chị H khoảng từ 1.500 đồng - 2.000đ /triệu/ ngày (chị H không nhớ chính xác).

Sau khi viết giấy vay tiền nói trên nhiều lần chị H trả tiền lãi suất trên số tiền gốc nói trên cho chị H, có lần trả trực tiếp (không có giấy tờ giao, nhận), có lần trả bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Số tiền lãi suất đã trả đến tháng 3 /2020. Nay chị H không xác định được số tiền lãi suất đã trả chị H.

Chị H cũng thừa nhận từ sau khi hết hạn trả nợ, nhiều lần chị H yêu cầu chị H trả số tiền gốc nói trên nhưng do kinh tế khó khăn nên chị H không có khả năng thực hiện.

Nay chị H cho rằng tại thời điểm chị H viết giấy vay tiền của chị H (ngày 23/3/2018) có 01 số chủ nợ khác đòi nợ chị H, tâm lý của chị H bất ổn, dẫn đến việc xác định số tiền gốc chị H vay chị H (540.000.000 đồng) là không chính xác, thực tế số tiền gốc chỉ khoảng từ 300.000.000 đồng -350.000.000 đồng, còn

lại là tiền lãi suất. Do đó chị H không chấp nhận yêu cầu của chị H và yêu cầu chị H phải có chứng cứ giao- nhận tiền bằng văn bản về các lần chị H cho chị H vay tiền.

Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm do đó vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về tố tụng:*

- Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS), do chị Đinh Thị H khởi kiện chị Lương Thị Thanh H; Nơi cư trú của chị H thuộc địa phận thành phố Thái Nguyên, do đó Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS);

- Về thủ tục chị H ủy quyền cho anh Hoàng Tuấn A tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết vụ án tại văn bản ngày 04/6/2020 là đúng pháp luật.

- Người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về tổng đạt các văn bản tố tụng và các thủ tục tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

#### *[2] Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp và cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án:*

+ “Giấy vay tiền” đề ngày 23/3/2018 có nội dung thể hiện: Chị H vay của chị H **540.000.000đ** (năm trăm bốn mươi triệu đồng)- tiền gốc, thời hạn trả nợ là 01 năm (ngày 23/3/2019), mục đích chị H sử dụng khoản tiền vay để giải quyết công việc gia đình. Chị H hoàn toàn thừa nhận chị là người viết văn bản này trên cơ sở thỏa thuận với chị H, trước khi xác nhận khoản nợ này bằng văn bản, nhiều lần chị H vay tiền của chị H nhưng không viết biên nhận (do hai người có quan hệ thân thiết); Các đương sự thừa nhận có thỏa thuận hàng tháng bị đơn trả nguyên đơn tiền lãi suất nhưng trong giấy vay tiền chị H không ghi nội dung này. HĐXX có đủ cơ sở xác định giao dịch do nguyên đơn và bị đơn xác lập ngày 23/3/2018 là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất cần áp dụng các quy định tại Điều 463, 468, 470, 465, 466 của BLDS để giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

-Về thời hạn chị H phải trả nợ chị H khoản tiền trên là ngày 23/3/2019 nhưng đến nay chị H chưa thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Chị H yêu cầu chị H phải trả chị H khoản tiền gốc nói trên trên là có căn cứ.

-Việc bị đơn cho rằng khi viết giấy vay tiền nói trên tâm lý của bị đơn bất ổn do nhiều chủ nợ đến đòi nợ, dẫn đến việc xác định khoản tiền vay không chính xác, nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn không có chứng cứ khác chứng minh, do đó HĐXX không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị đơn đơn.

-Về tiền lãi suất: Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự, cần xác định bị đơn đã trả lãi suất cho nguyên đơn đến tháng 3 năm 2020. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất từ tháng 3/2020 đến nay, do đó HĐXX không có căn cứ buộc bị đơn phải trả lãi suất;

- Lời khai của các đương sự không thống nhất về việc xác định mức lãi suất bị đơn phải trả nguyên đơn và tổng số tiền lãi suất bị đơn đã trả nguyên đơn và không có chứng cứ chứng minh về khoản tiền này, do đó HĐXX không thể xác định được số tiền lãi suất bị đơn đã trả nguyên đơn và không có căn cứ xác định mức lãi suất bị đơn đã trả nguyên đơn có vượt quá quy định hay không;

- Việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh việc giao nhận các khoản tiền nguyên đơn cho bị đơn vay trước khi bị đơn viết giấy vay tiền vào ngày 23/3/2018 là không phù hợp với thực tế, vì bị đơn đã thừa nhận khi giao nhận tiền hai bên không có biên nhận bằng văn bản. HĐXX không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị đơn;

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Đây vụ án dân sự không có giá ngạch, cần buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Điều 146; Điều 147 của BLTTDS; Khoản 3, Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2106/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS;

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các quy định tại: - Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS;

- Điều 463, 468; 470; 465; 466 của BLDS;

- Điều 146; Điều 147 của BLTTDS; Khoản 3, Điều 24; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2106/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS;

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H đối với chị Lương Thị Thanh H;

Buộc chị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H theo hợp đồng vay tài sản do chị H và chị H lập ngày 23/3/2018 với số tiền gốc là **540.000.000đ** (năm trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS;

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị H phải nộp **25.600.000 đ** ( hai mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả chị H **13.500.000 đ** (mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 000 2910 ngày 24/4/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thúy Kiên**

**Hoàng Thúy Kiên**